BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 84 /2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công theo quy định tại các Điều 60 và Điều 61 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14; Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về nghiệp vụ quản lý nợ công.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp và lập báo cáo về nợ của chính quyền địa phương theo mẫu biểu quy định tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan cho vay lại, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ thực hiện báo cáo về tình hình quản lý, thực hiện cho vay lại, thu hồi, hoàn trả vốn cho vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và mẫu biểu quy định tại Thông tư 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

4. Chủ dự án, ngân hàng chính sách được Chính phủ bảo lãnh vay vốn hoặc phát hành trái phiếu thực hiện báo cáo theo quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và mẫu biểu tại phụ lục đính kèm Thông tư số 58/2018/TT-BTC ngày 10/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn biểu, mẫu cung cấp thông tin, báo cáo đối với các chương trình, dự án được Chính phủ bảo lãnh.

5. Đối với các số liệu, báo cáo khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, các cơ quan, đơn vị báo cáo thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính liên quan tới quản lý nợ công.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Các Bộ, ngành, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

Điều 3. Nội dung mẫu biểu báo cáo

1. Hệ thống mẫu biểu báo cáo bao gồm:

a) Mẫu biểu báo cáo liên quan đến kế hoạch 5 năm và hàng năm gồm 12 mẫu biểu báo cáo chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

b) Mẫu biểu báo cáo liên quan đến nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp gồm 03 mẫu biểu báo cáo chi tiết theo Phụ lục III đính kèm.

2. Đối với mẫu biểu báo cáo về nợ công hàng năm thực hiện theo Thông tư 74/2018/TT-BTC ngày 16/8/2018 hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

3. Đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo:

a) Đơn vị báo cáo là các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp. Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng mẫu biểu báo cáo;

b) Đơn vị nhận báo cáo là Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại), được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng mẫu biểu báo cáo, dưới dòng đơn vị báo cáo.

Điều 4. Mẫu biểu công bố thông tin

1. Bộ Tài chính thực hiện công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo các mẫu biểu tại Phụ lục IV (từ Biểu 4.01 đến 4.06) đính kèm Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện công bố thông tin về vay, trả nợ của chính quyền địa phương theo mẫu biểu tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Điều 5. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin về nợ công

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 1/1 đến ngày 30/6 của năm báo cáo. Các đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước ngày 31 tháng 07 hằng năm;

b) Báo cáo năm được tính từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 hằng năm. Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước ngày 15 tháng 02 của năm sau;

2. Báo cáo phục vụ lập kế hoạch vay trả nợ 5 năm và hàng năm:

a) Báo cáo phục vụ lập kế hoạch vay trả nợ 5 năm được tính từ năm n+1 đến n +5 (n: là nămbáo cáo). Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) cùng thời gian với kỳ lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm.

b) Báo cáo kế hoạch vay trả nợ hàng năm được tính từ năm n+1 đến năm n+3 (n: là năm báo cáo). Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước ngày 15/7 hằng năm.

3. Báo cáo đột xuất: Trường hợp cần báo cáo đột xuất để thực hiện yêu cầu về quản lý nhà nước đối về nợ công, cơ quan yêu cầu báo cáo phải đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ kỳ báo cáo, tiêu chí báo cáo, số liệu, thông tin cụ thể, thời hạn gửi báo cáo.

4. Bộ Tài chính tổng hợp các báo cáo về nợ công báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đồng thời gửi các cơ quan có liên quan theo quy định của Luật Quản lý nợ công và các quy định có liên quan.

5. Việc công bố thông tin về nợ công theo mẫu biểu quy định tại Điều 4 Thông tư này được thực hiện mỗi năm 2 kỳ; số liệu có độ trễ 6 tháng so với thời điểm công bố.

Điều 6. Hình thức báo cáo

1. Các báo cáo gửi về Bộ Tài chính được thực hiện dưới hình thức văn bản kèm theo tệp điện tử về địa chỉ taichinhdoingoai@mof.gov.vn.

2. Các nội dung công bố thông tin về nợ công được Bộ Tài chính thực hiện dưới hình thức phát hành Bản tin nợ công và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

3. Các nội dung công bố thông tin về nợ chính quyền địa phương của từng địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 126/2017/TT-BTC ngày 27/11/2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Nơi nhận:
- VP TƯ Đảng và các Ban của Đảng;
- VP QH, VP Chủ tịch Nước, VP Tổng Bí thư;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Viện kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cơ quan cho vay lại;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Ban chỉ đạo TƯ về Phòng, chống tham nhũng;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLN (350b).

Phụ lục I

MẪU BIỂU LẬP KẾ HOẠCH 5 NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số .....84.../2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu lập kế hoạch
1.01	Báo cáo tình hình vay, trả nợ trong nước của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo
1.02	Báo cáo tình hình rút vốn vay của các dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo (do bộ/ngành báo cáo)
1.03	Báo cáo tình hình rút vốn vay của các dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo (do địa phương báo cáo)
1.04	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của các dự án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo
1.05	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của các dự án/trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và dự kiến 3 năm tiếp theo
1.06	Báo cáo tình hình vay nợ chính quyền địa phương và dự kiến 5 năm tiếp theo

Mẫu Biểu số 1.01

Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước Trung ương, Vụ Tài chính ngân hàng, Vụ ngân sách Nhà nước)
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ TRONG NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM TIẾP THEO

Kỳ báo cáo: Công bố với kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Kế hoạch năm n-1 đến năm n					n					Năm n+1					Năm n+2					Năm n+3					Năm n+4					Năm n+5				
	Dư nợ đầu kỳ năm n-1	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ năm n	Dư nợ đầu kỳ năm n	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ năm n	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
TỔNG CỘNG																																								
1 Trái phiếu																																								
2 Trái phiếu chính quyền địa phương																																								
3 Trái phiếu ngoại tệ																																								
4 Trái phiếu xanh																																								
5 Công trái																																								
6 Vay từ Ngân quỹ Nhà nước																																								
7 Kỳ hạn thanh toán trong nước																																								
8 Vay khác																																								
Tổng																																								

Ghi chú:

Dự kiến các năm n+1 đến n+5 được tính dựa trên dư nợ năm n

Mẫu biểu lập kế hoạch 1.02

Ban hành kèm theo Thông tư số 94/2018/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH RÚT VỐN VAY CỦA CÁC DỰ ÁN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM TIẾP THEO

Kỳ báo cáo: Công bố với lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Kế hoạch năm n-4 đến năm n			Ước thực hiện năm n-4 đến năm n			Dự kiến năm n+1			Dự kiến năm n+2			Dự kiến năm n+3			Dự kiến năm n+4			Dự kiến năm n+5		
			Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát	
				XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN
	A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
A	Các dự án do Bộ làm chủ dự án																						
I	Các dự án đang giải ngân																						
	Dự án A																						
	Dự án B																						
	Dự án C																						
II	Các dự án dự kiến giải ngân trong thời gian tới																						
	Dự án A																						
	Dự án B																						
	Dự án C																						
B	Các dự án do Bộ làm cơ quan chủ quản (Dự án ở thực hiện ở địa phương)																						
	1. Dự án 1																						
	Địa phương A																						
	Địa phương B																						
	....																						
	2. Dự án 2																						
	Địa phương A																						
	Địa phương B																						
	...																						

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Các dự án giải ngân trong thời gian tới: là các dự án có khả năng giải ngân trong giai đoạn báo cáo

Mẫu biểu lập kế hoạch 1.B3

Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khấu hào sáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: UBND (tỉnh) thành phố, ...

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH RÚT VỐN VAY CỦA CÁC DỰ ÁN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM TIẾP THEO

Kỳ báo cáo: Cùng kỳ với lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Kế hoạch năm n-4 đến năm n				Ước thực hiện năm n-4 đến năm n				Dự kiến năm n+1				Dự kiến năm n+2				Dự kiến năm n+3				Dự kiến năm n+4				Dự kiến năm n+5			
			Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại
				XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN	
	A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
I	Các dự án đang giải ngân																													
	Dự án A																													
	Dự án B																													
	Dự án C																													
II	Các dự án dự kiến giải ngân trong thời gian tới																													
	Dự án A																													
	Dự án B																													
	Dự án C																													

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Mẫu biểu lập kế hoạch 1.04

Ban hành kèm theo Thông tư số [illegible]/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: UBND Tỉnh/Thành phố/Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp ....
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ CỦA CÁC DỰ ÁN VAY LẠI TỪ NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM TIẾP THEO

Kỳ báo cáo: Cùng kỳ với lập kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà tài trợ	Kế hoạch năm trước liền năm n						Ước thực hiện năm trước liền năm n						Năm n + 1						Năm n + 2						Năm n + 3						Năm n + 4						Năm n + 5					
			Dư nợ đầu kỳ năm n-1	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ cuối kỳ năm n	Dư nợ đầu kỳ năm n-1	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ cuối kỳ năm n	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ vay cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ vay cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ vay cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ vay cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Trả nợ			Dư nợ vay cuối kỳ
					Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng				Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng				Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng				Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng				Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng				Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng				Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	
	A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
I	Các dự án đang thực hiện (bao gồm cả các dự án đã rút vốn, đang trả nợ)																																											
II	Các dự án dự kiến sẽ triển khai																																											

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Các dự án đang thực hiện là các dự án đã/đang rút vốn và/hoặc đang trả nợ gốc/lãi

Các dự án dự kiến sẽ triển khai là các dự án dự kiến phát sinh, sẽ vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ trong giai đoạn báo cáo

Mẫu biểu lập kế hoạch 1.06
(ban hành kèm theo Thông tư số [illegible]/2018/TT-BTC ngày [illegible] tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

Đơn vị báo cáo: Doanh nghiệp/Ngân hàng chính sách
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ CỦA CÁC DỰ ÁN/TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM TIẾP THEO
Kỳ báo cáo: Cùng kỳ với lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà tài trợ	Kế hoạch năm n-4 đến năm n-2						Ước thực hiện năm n-1 đến năm n						Năm n+1						Năm n+2						Năm n+3						Năm n+4						Năm n+5					
					Trả nợ trong kỳ						Trả nợ trong kỳ						Trả nợ trong kỳ						Trả nợ trong kỳ						Trả nợ trong kỳ						Trả nợ trong kỳ						Trả nợ trong kỳ			
			Dư nợ đầu kỳ năm n-4	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ năm n-2	Dư nợ đầu kỳ năm n-1	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ năm n	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Gốc	Lãi + Phí	Tổng	Dư nợ cuối kỳ
	A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
A	Bảo lãnh vay trong nước																																											
I	Các dự án đã được Chính phủ cấp bảo lãnh																																											
II	Các dự án dự kiến đề nghị cấp mới bảo lãnh của Chính phủ																																											
B	Bảo lãnh vay nước ngoài																																											
I	Các dự án đã được Chính phủ cấp bảo lãnh																																											
II	Các dự án dự kiến đề nghị Chính phủ cấp mới bảo lãnh																																											
C	Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh																																											
	Kì hạn 3 năm																																											
	Kì hạn 5 năm																																											
	Kì hạn 10 năm																																											

Ghi chú:
Số liệu dự kiến rút vốn các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài
Các dự án đã được Chính phủ cấp bảo lãnh là các dự án đã/đang dự kiến rút vốn và/hoặc đang/sẽ trả nợ gốc/lãi
Các dự án dự kiến đề nghị Chính phủ cấp bảo lãnh mới là dự án dự kiến đề nghị Chính phủ cấp bảo lãnh mới trong giai đoạn báo cáo. Các số liệu báo cáo của các dự án này trên cơ sở dự kiến nếu được Chính phủ cấp bảo lãnh.
Mục C dành cho các Ngân hàng chính sách: báo cáo số liệu về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh gồm: dư nợ, số phát hành, số trả nợ gốc, lãi trái phiếu

Mẫu biểu lập kế hoạch 1.06

Ban hành kèm theo Thông tư số .88/2018/TT-BTC ngày..13 tháng..9. năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ NSNN)
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY NỢ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM TIẾP THEO

Kỳ báo cáo: Cùng kỳ với lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch năm n-4 đến năm n	Ước thực hiện năm n-4 đến năm n	Kế hoạch NĂM N+1	Kế hoạch NĂM N+2	Kế hoạch NĂM N+3	Kế hoạch NĂM N+4	Kế hoạch NĂM N+5
	A	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG							
	TỈNH A							
1	Bội thu/Bội chi NSĐP (*)							
	Trong đó chi trả lãi của NSĐP:							
3	Trả nợ gốc của NSĐP							
4	Tổng mức vay của NSĐP							
	Trong đó							
	Vay lại vốn vay nước ngoài							
	Phát hành trái phiếu CQĐP							
	Vay ngân quỹ nhà nước							
	Vay các quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh							
	Vay tổ chức tài chính, tín dụng							
	Vay khác							
5	Dư nợ cuối kỳ							
	TỈNH B							
1	Bội thu/Bội chi NSĐP (*)							
	Trong đó chi trả lãi của NSĐP:							
3	Trả nợ gốc của NSĐP							

4	Tổng mức vay của NSĐP							
	Trong đó							
	Vay lại vốn vay nước ngoài							
	Phát hành trái phiếu CQĐP							
	Vay ngân quỹ nhà nước							
	Vay các quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh							
	Vay tổ chức tài chính, tín dụng							
	Vay khác							
5	Dư nợ cuối kỳ							
	TỈNH C							
	....							

Ghi chú:

Số liệu vay vốn nước ngoài dự kiến các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Số Bội thu/ Bội chi NSĐP trong giai đoạn n-4 đến n là số bình quân

Phụ lục II

MẪU BIỂU LẬP KẾ HOẠCH HÀNG NĂM VÀ DỰ BÁO 2 NĂM TIẾP THEO

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...84.../2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu lập kế hoạch
2.01	Báo cáo tình hình thực hiện vay, trả nợ trong nước của Chính phủ năm hiện hành, dự kiến năm kế hoạch và 2 năm tiếp theo
2.02	Báo cáo tình hình thực hiện rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài năm hiện hành, dự kiến năm kế hoạch và 2 năm tiếp theo (do bộ/ngành báo cáo)
2.03	Báo cáo tình hình thực hiện rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài năm hiện hành, dự kiến năm kế hoạch và 2 năm tiếp theo (do địa phương báo cáo)
2.04	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của các dự án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm hiện hành, dự kiến năm kế hoạch và 2 năm tiếp theo
2.05	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của các dự án/trái phiếu được chính phủ bảo lãnh năm hiện hành, dự kiến năm kế hoạch và 2 năm tiếp theo
2.06	Báo cáo tình hình vay nợ chính quyền địa phương năm hiện hành, dự kiến năm kế hoạch và 2 năm tiếp theo

Mẫu biểu số 2.01

Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước Trung ương, Vụ Tài chính ngân hàng, Vụ ngân sách Nhà nước)
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ TRONG NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HIỆN HÀNH, DỰ KIẾN NĂM KẾ HOẠCH VÀ 2 NĂM TIẾP THEO

Thời gian báo cáo: Tháng 7 năm n

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Kế hoạch năm n						Ước thực hiện năm n						Năm n+1						Năm n+2						Năm n+3					
	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn	TRẢ NỢ TRONG KỲ			Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng				Gốc	Lãi + phí	Tổng	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
TỔNG CỘNG																														
1. Tín phiếu																														
2. Trái phiếu (theo từng kỳ hạn)																														
3. Trái phiếu ngoại tệ																														
4. Trái phiếu xanh																														
5. Công trái																														
6. Vay từ Ngân quỹ Nhà nước																														
7. Ký kết thỏa thuận vay trong nước																														
8. Vay khác																														
Tổng																														

Ghi chú:
Dự kiến các năm n+1 đến n+3 được tính dựa trên dư nợ năm n

Mẫu biểu lập kế hoạch 2.02

Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Bộ/ngành.....

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY ODA VÀ ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI NĂM HIỆN HÀNH, DỰ KIẾN NĂM KẾ HOẠCH VÀ 2 NĂM TIẾP THEO

Thời gian báo cáo: Tháng 7 năm n *Đơn vị: Triệu đồng*

Tên Dự án	Nhà tài trợ	Kế hoạch vốn được giao năm n			Ước thực hiện năm n			Nhu cầu rút vốn năm n+1			Nhu cầu rút vốn năm n+2			Nhu cầu rút vốn năm n+3		
		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát		Tổng	Cấp phát	
			XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN		XDCB	HCSN
A		1	2	3	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
I. Dự án do Bộ/ngành làm chủ dự án																
1. Các Chương trình, dự án đã ký Hiệp định đến 30/6 năm báo cáo đang giải ngân																
Dự án A																
Dự án B																
Dự án C																
2. Các Chương trình, dự án đang đàm phán và dự kiến sẽ ký Hiệp định trong năm báo cáo																
Dự án A																
Dự án B																
Dự án C																
3. Các Chương trình, dự án đã được phê duyệt chủ trương nhưng chưa ký hiệp định																
Dự án A																
Dự án B																
Dự án C																
II. Dự án do Bộ/ngành làm cơ quan chủ quản và do địa phương thực hiện																
1. Dự án 1																
Địa phương A																
Địa phương B																

....																
2. Dự án 2																
Địa phương A																
Địa phương B																
...																

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm n+1, n+2, n+3 quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm báo cáo do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Phần II là các dự án ô được thực hiện ở từng địa phương

Mẫu biểu tập kế hoạch 2.03

Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh/ thành phố....

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY ODA VÀ ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI NĂM HIỆN HÀNH, DỰ KIẾN NĂM KẾ HOẠCH VÀ 2 NĂM TIẾP THEO

Thời gian báo cáo: Tháng 7 năm n

Đơn vị: Triệu đồng

Tên Dự án	Nhà tài trợ	Kế hoạch vốn được giao năm n				Ước thực hiện năm n				Dự kiến kế hoạch năm n+1				Dự kiến kế hoạch năm n+2				Dự kiến kế hoạch năm n+3			
		Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại	Tổng	Cấp phát		Vay lại
			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN			XDCB	HCSN	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Các Chương trình, dự án đã ký kết trước thời điểm 31/12 năm n đang còn hiệu lực																					
Dự án A																					
Dự án B																					
Dự án C																					
II. Các Chương trình, dự án dự kiến ký kết trong năm n																					
Dự án A																					
Dự án B																					
Dự án C																					
III. Các Chương trình, dự án đã được phê duyệt chủ trương chưa ký hiệp định																					
Dự án A																					
Dự án B																					
Dự án C																					

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm n+1, n+2, n+3 quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Mẫu biểu tập kế hoạch 2.04

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: UBND Tỉnh/Thành phố/Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp ....
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ CỦA CÁC DỰ ÁN VAY LẠI NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HIỆN HÀNH, DỰ KIẾN NĂM KẾ HOẠCH VÀ 2 NĂM

Thời gian báo cáo: Tháng 7 năm n

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Dư nợ cuối kỳ năm n-1	Ước thực hiện cả năm n				Dự kiến năm n+1				Dự kiến năm n+2				Dự kiến năm n+3			
				Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi(phí) trong năm	Dư nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phí) trong năm	Dư nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phí) trong năm	Dư nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phí) trong năm	Dư nợ cuối năm
	A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Các dự án đang thực hiện (bao gồm cả các dự án đã rút vốn, đang trả nợ)																		
II	Các dự án dự kiến sẽ triển khai																		

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm n+1, n+2, n+3 quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Các dự án đang thực hiện là các dự án đã/đang rút vốn và/hoặc đang trả nợ gốc/lãi

Các dự án dự kiến sẽ triển khai là các dự án dự kiến phát sinh, sẽ vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ trong giai đoạn báo cáo

Mẫu biểu tập kế hoạch 2.05

Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Doanh nghiệp/Ngân hàng chính sách

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ CỦA CÁC DỰ ÁN/ TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH NĂM HIỆN HÀNH, DỰ KIẾN NĂM KẾ HOẠCH VÀ 2 NĂM TIẾP THEO

Thời gian báo cáo: Tháng 7 năm n

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Dư nợ cuối kỳ năm n-1	Ước thực hiện cả năm n				Dự kiến năm n+1				Dự kiến năm n+2				Dự kiến năm n+3			
			Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc vay trong năm	Tổng trả nợ lãi(phí) trong năm	Dư nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phí) trong năm	Dư nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phí) trong năm	Dư nợ cuối năm	Tổng rút vốn trong năm	Trả nợ gốc trong năm	Trả nợ lãi (phí) trong năm	Dư nợ cuối năm
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Bảo lãnh vay trong nước																	
I	Các dự án đã được Chính phủ cấp bảo lãnh																	
II	Các dự án dự kiến đề xuất cấp mới bảo lãnh của Chính phủ																	
B	Bảo lãnh vay nước ngoài																	
I	Các dự án đã được Chính phủ cấp bảo lãnh																	
II	Các dự án dự kiến đề xuất Chính phủ cấp mới bảo lãnh																	
C	Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh																	

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm n+1, n+2, n+3 quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ

Các dự án đã được Chính phủ cấp bảo lãnh là các dự án đã/đang dự kiến rút vốn và/hoặc đang/sẽ trả nợ gốc/lãi

Các dự án dự kiến đề xuất Chính phủ cấp bảo lãnh mới là dự án dự kiến đề nghị Chính phủ cấp bảo lãnh một trong giai đoạn báo cáo. Các số liệu báo cáo của các dự án này trên cơ sở dự kiến nếu được Chính

Mục C dành cho các Ngân hàng chính sách: báo cáo số liệu về trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh gồm: dư nợ, số phát hành, số trả nợ gốc, lãi trái phiếu

Mẫu biểu lập kế hoạch 2.06

Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ NSNN)
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY NỢ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM HIỆN HÀNH, DỰ KIẾN NĂM KẾ HOẠCH VÀ 2 NĂM TIẾP THEO

Thời gian báo cáo: Tháng 7 năm n

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch năm n	Ước thực hiện năm n	Kế hoạch NĂM N+1	Kế hoạch NĂM N+2	Kế hoạch NĂM N+3
	A	1	2	3	4	5
	TỔNG					
	TỈNH A					
1	Bội thu/Bội chi NSĐP (*)					
	Trong đó chi trả lãi của NSĐP:					
3	Trả nợ gốc của NSĐP					
4	Tổng mức vay của NSĐP					
	Trong đó					
	Vay lại vốn vay nước ngoài					
	Phát hành trái phiếu CQĐP					
	Vay ngân quỹ nhà nước					
	Vay các quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh					
	Vay tổ chức tài chính, tín dụng					
	Vay khác					
5	Dư nợ cuối kỳ					
	TỈNH B					
1	Bội thu/Bội chi NSĐP (*)					
	Trong đó chi trả lãi của NSĐP:					
3	Trả nợ gốc của NSĐP					
4	Tổng mức vay của NSĐP					
	Trong đó					
	Vay lại vốn vay nước ngoài					
	Phát hành trái phiếu CQĐP					
	Vay ngân quỹ nhà nước					
	Vay các quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh					
	Vay tổ chức tài chính, tín dụng					
	Vay khác					
5	Dư nợ cuối kỳ					
	TỈNH C					
	....					

Ghi chú:

Số liệu vay vốn nước ngoài dự kiến các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm n do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

Phụ lục III

BÁO CÁO VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI TỰ VAY TỰ TRẢ CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số ....84...../2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
3.01	Tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài ngắn hạn của doanh nghiệp theo hình thức tự vay, tự trả
3.02	Thông tin chi tiết về khoản vay nước ngoài được xác nhận
3.03	Tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài trung và hạn của doanh nghiệp theo hình thức tự vay, tự trả

Mẫu biểu số 3.01

(Ban hành kèm theo Thông tư số .84. /2018/TT-BTC ngày 13/9/2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ NỢ NƯỚC NGOÀI NGẮN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP THEO HÌNH THỨC TỰ VAY TỰ TRẢ

kỳ báo cáo: 6 tháng/cả năm

Đơn vị: triệu USD

	Số Dư đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Ghi chú
A	1	2	3	4	5
Doanh nghiệp Nhà nước					
Tổ chức tín dụng					
Doanh nghiệp FDI					
Doanh nghiệp khác					
Tổng cộng					

Ghi chú:

- Cột 1 đến 5: Áp dụng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm lập báo cáo

Mẫu biểu số 3.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số .84 /2018/TT-BTC ngày 13/9/2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XÁC NHẬN

Kỳ báo cáo: 6 tháng/cả năm

STT	Thông tin về Bên đi vay/Mã Khoản vay	Thông tin về khoản vay			Thông tin Bên cho vay		Chi phí khoản vay (%/năm)	Ngày NHNN xác nhận	Ghi chú
		Đồng tiền vay	Kim ngạch vay	Thời hạn vay (tháng)	Tên	Quốc gia chủ nợ			
1	Doanh nghiệp A								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								
2	Doanh nghiệp B								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								
3	Doanh nghiệp C								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								
4	Doanh nghiệp D								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								

Mẫu biểu số 3.03

(Ban hành kèm theo Thông tư số .84. /2018/TT-BTC ngày 13/.9./2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ NỢ NƯỚC NGOÀI TRUNG, DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP THEO HÌNH THỨC TỰ VAY TỰ TRẢ

Kỳ báo cáo: 6 tháng/cả năm

Đơn vị: triệu USD

	Số Dư đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi	Tổng	
A	1	2	3	4	5	6
Doanh nghiệp Nhà nước						
Tổ chức tín dụng						
Doanh nghiệp FDI						
Doanhg nghiệp khác						
Tổng cộng						

Ghi chú:

- Cột 1 đến 6: Áp dụng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm lập báo cáo

Phụ lục IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NỢ CÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số .....84...../2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu công bố thông tin
4.01	Các chỉ tiêu về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.
4.02	Vay và trả nợ của Chính phủ.
4.03	Nợ nước ngoài của Chính phủ phân theo từng bên cho vay
4.04	Nợ được Chính phủ bảo lãnh.
4.05	Nợ của chính quyền địa phương.
4.06	Vay và trả nợ nước ngoài của quốc gia.

Mẫu biểu công bố thông tin số 4.01

(Ban hành kèm theo Thông tư số .84./2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9. năm 2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

CÁC CHỈ TIÊU VỀ NỢ CÔNG VÀ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

Chỉ tiêu	Năm báo cáo -4	Năm báo cáo-3	Năm báo cáo-2	Năm báo cáo-1	Năm báo cáo
1. Nợ công so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
a. Nợ Chính phủ so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
b. Nợ Chính phủ bảo lãnh so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
c. Nợ Chính quyền địa phương so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
2. Nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP (%)					
3. Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ (%)					
4. Nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ so với thu NSNN (%)					

Mẫu biểu công bố thông tin số 4.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số .84. /2018/TT-BTC ngày 13. tháng .9. năm 2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH PHỦ

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯ NỢ [1]										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
II. RÚT VỐN TRONG KỲ [2]										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
III. TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ [2]										
1. Nợ nước ngoài										
Tổng trả nợ gốc trong kỳ										
Tổng trả lãi và phí trong kỳ										
2. Nợ trong nước										
Tổng trả nợ gốc trong kỳ										
Tổng trả lãi và phí trong kỳ										

[1] Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

[2] Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu công bố thông tin số 4.03

(Ban hành kèm theo Thông tư số .84. /2018/TT-BTC ngày 13. tháng 9. năm 2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ PHÂN THEO TỪNG BÊN CHO VAY

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC										
SONG PHƯƠNG										
Al-gê-ry										
Áo										
Bỉ										
Bun-ga-ri										
Trung Quốc										
Đan Mạch										
Phần lan										
Pháp										
Đức										
Ấn độ										
Ý										
Nhật Bản										
Hàn quốc										
Cô-oét										
Hà Lan										
Ba Lan										
Nga										
Tây ban nha										
Thụy điển										
Thụy sỹ										
Đài loan										
Thái lan										
Anh										
Mỹ										
....										
ĐA PHƯƠNG										
ADB										
IBRD										
IDA										
IFAD										
IMF										
NDF										
NIB										
OPEC										
EIB										
...										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										

Người nắm giữ trái phiếu										
Các Ngân hàng thương mại										
Các chủ nợ tư nhân khác										
TỔNG CỘNG										

Mẫu biểu công bố thông tin số 4.04

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..84. /2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9. năm 2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

NỢ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯ NỢ [1]										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
II. RÚT VỐN TRONG KỲ [2]										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
III. TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ [2]										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
Trong đó:										
Tổng trả nợ gốc trong kỳ										
Nợ nước ngoài										
Nợ trong nước										
Tổng trả lãi và phí trong kỳ										
Nợ nước ngoài										
Nợ trong nước										

[1] Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

[2] Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu công bố thông tin số 4.05

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..89../2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9.. năm 2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯ NỢ (1)										
II. SỐ VAY TRONG KỲ										
III. SỐ TRẢ NỢ TRONG KỲ (2)										
1. Số trả gốc trong kỳ										
2. Số trả lãi và phí trong kỳ										

(1) Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

(2) Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu công bố thông tin số 4.06

(Ban hành kèm theo Thông tư số .34./2018/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công bố thông tin về nợ công)

VAY VÀ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯ NỢ [1]										
1. Nợ nước ngoài của Chính phủ										
2. Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										
II. SỐ VAY TRONG KỲ [2]										
1. Vay nước ngoài của Chính phủ										
2. Vay nước ngoài của doanh nghiệp										
III. TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ [2]										
1. Nợ nước ngoài của Chính phủ										
2. Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										
Trong đó:										
Tổng trả nợ gốc trong kỳ										
Nợ nước ngoài của Chính phủ										
Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										
Tổng trả nợ lãi và phí trong kỳ										
Nợ nước ngoài của Chính phủ										
Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										

[1] Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

[2] Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch